

Bài 1: Hệ điều hành

Câu 1. Hệ điều hành của các loại máy tính nói chung có mấy nhóm chức năng?

- A. 2 nhóm
- B. 3 nhóm
- C. 4 nhóm
- D. 5 nhóm

Câu 2. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Hệ điều hành Windows có giao diện dòng lệnh
- B. Hệ điều hành MS-DOS có giao diện đồ hoạ
- C. Hệ điều hành Windows có giao diện đồ hoạ
- D. Hệ điều hành MS-DOS có giao diện dòng lệnh và giao diện đồ hoạ

Câu 3. Chọn câu trả lời đúng nhất. Một số thành phần cơ bản của giao diện đồ hoạ bao gồm:

- A. Cửa sổ, biểu tượng, bàn phím
- B. Biểu tượng, chuột, bàn phím
- C. Chuột, cửa sổ, bàn phím
- D. Cửa sổ, biểu tượng, chuột

Câu 4. Phát biểu nào sau đây là đúng về lịch sử phát triển của hệ điều hành Windows?

- A. Các phiên bản Windows 7 (2008), Windows 8 (2012), Windows 10 (2015), Windows 11(2021)
- B. Các phiên bản Windows 7 (2009), Windows 8 (2012), Windows 10 (2015), Windows 11(2021)
- C. Các phiên bản Windows 7 (2009), Windows 8 (2013), Windows 10 (2015), Windows 11(2021)
- D. Các phiên bản Windows 7 (2009), Windows 8 (2012), Windows 10 (2015), Windows 11(2022)

Câu 5. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

- A. Hệ điều hành Windows và hệ điều hành Linux đều là hệ điều hành nguồn mở.
- B. Hệ điều hành Windows là hệ điều hành nguồn mở, hệ điều hành Linux là hệ điều hành thương mại.
- C. Hệ điều hành Windows là hệ điều hành nguồn mở.

D. Hệ điều hành Windows là hệ điều hành thương mại, hệ điều hành Linux là hệ điều hành nguồn mở.

Câu 6. Hai hệ điều hành phổ biến cho thiết bị di động là:

- A. iOS và Android
- B. Windows và iOS
- C. Linux và Android
- D. Windows và Linux

Câu 7. Một số khác biệt của hệ điều hành cho thiết bị di động so với hệ điều hành cho máy tính cá nhân là:

- A. Giao diện đặc biệt thân thiện nhờ nhận dạng hành vi của người dùng thông qua các cảm biến, khó kết nối mạng di động, nhiều tiện ích hỗ trợ cá nhân.
- B. Giao diện đặc biệt thân thiện nhờ nhận dạng hành vi của người dùng thông qua các cảm biến, dễ dàng kết nối mạng di động, không có tiện ích hỗ trợ cá nhân.
- C. Giao diện đặc biệt thân thiện nhờ nhận dạng hành vi của người dùng thông qua các cảm biến, dễ dàng kết nối mạng di động, nhiều tiện ích hỗ trợ cá nhân.
- D. Giao diện không thân thiện với người dùng, khó kết nối mạng di động, không có tiện ích hỗ trợ cá nhân.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Phần mềm là thiết bị xử lý thông tin, hệ điều hành là môi trường trung gian giúp phần mềm ứng dụng khai thác phần cứng.
- B. Phần cứng là thiết bị xử lý thông tin, hệ điều hành là môi trường trung gian giúp phần cứng khai thác phần mềm ứng dụng.
- C. Phần mềm là thiết bị xử lý thông tin, hệ điều hành là môi trường trung gian giúp phần cứng khai thác phần mềm ứng dụng.
- D. Phần cứng là thiết bị xử lý thông tin, hệ điều hành là môi trường trung gian giúp phần mềm ứng dụng khai thác phần cứng.

Câu 9. Cho ví dụ một thiết bị không sử dụng hệ điều hành.

- A. Lò vi sóng.
- B. Laptop.
- C. Máy tính bảng.
- D. Điện thoại thông minh.

Câu 10. Mối quan hệ giữa phần cứng, phần mềm ứng dụng và hệ điều hành nào sau đây là đúng?

A. Phần mềm ứng dụng $\Leftrightarrow$ Người dùng $\Leftrightarrow$ Hệ điều hành $\Leftrightarrow$ Phần cứng (CPU, bộ nhớ, thiết bị vào/ra).

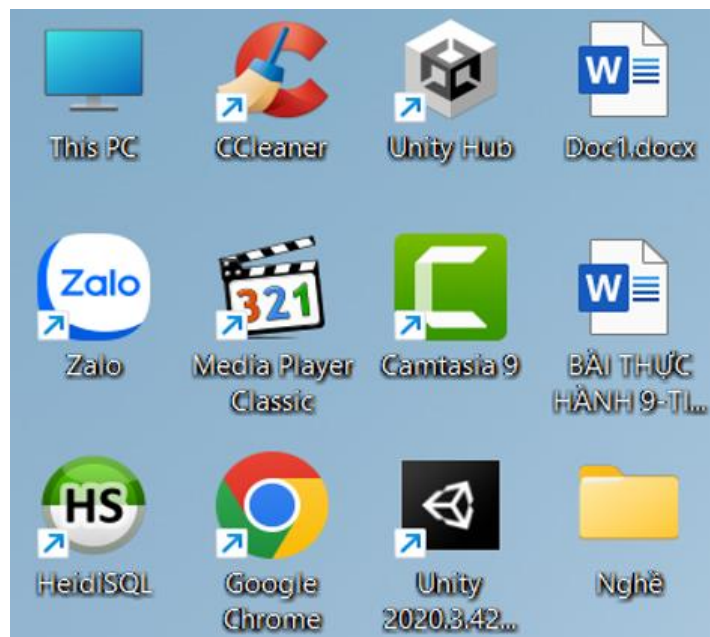
B. Người dùng $\Leftrightarrow$ Phần mềm ứng dụng $\Leftrightarrow$ Hệ điều hành $\Leftrightarrow$ Phần cứng (CPU, bộ nhớ, thiết bị vào/ra).

C. Người dùng $\Leftrightarrow$ Hệ điều hành $\Leftrightarrow$ Phần mềm ứng dụng $\Leftrightarrow$ Phần cứng (CPU, bộ nhớ, thiết bị vào/ra).

D. Người dùng $\Leftrightarrow$ Hệ điều hành $\Leftrightarrow$ Phần cứng (CPU, bộ nhớ, thiết bị vào/ra) $\Leftrightarrow$ Phần mềm ứng dụng.

Bài 2: Thực hành sử dụng Hệ điều hành

Câu 1. Quan sát hình bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



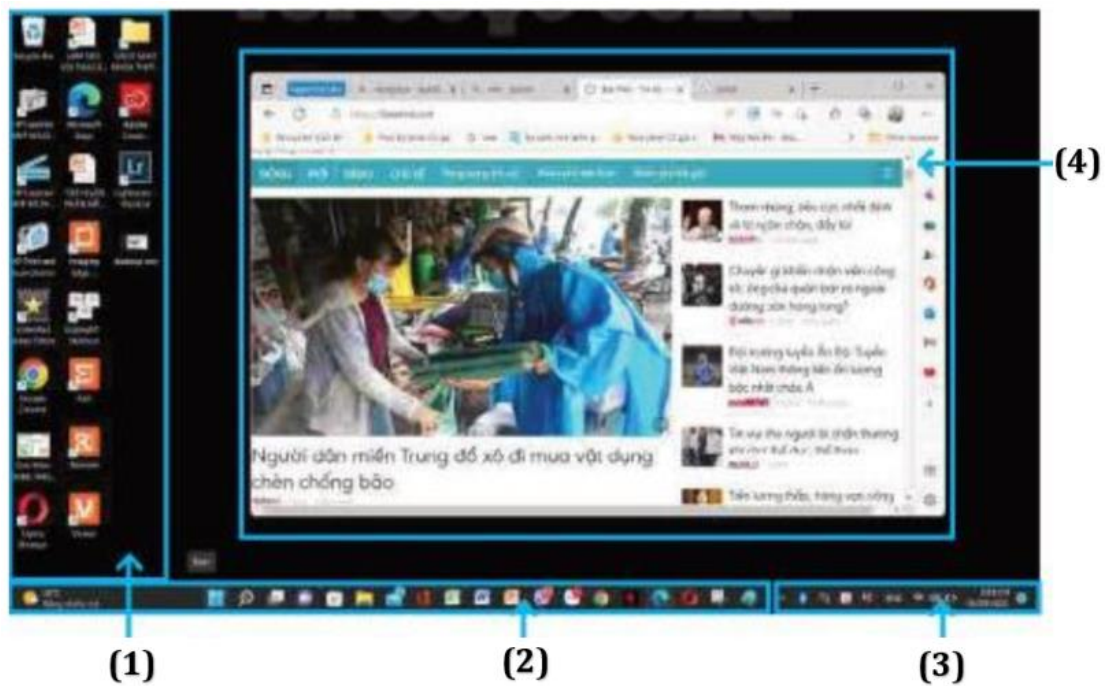
A. Hình trên là biểu tượng của các đối tượng.

B. Hình trên là thanh tác vụ (Taskbar).

C. Hình trên là thanh trạng thái (Status bar).

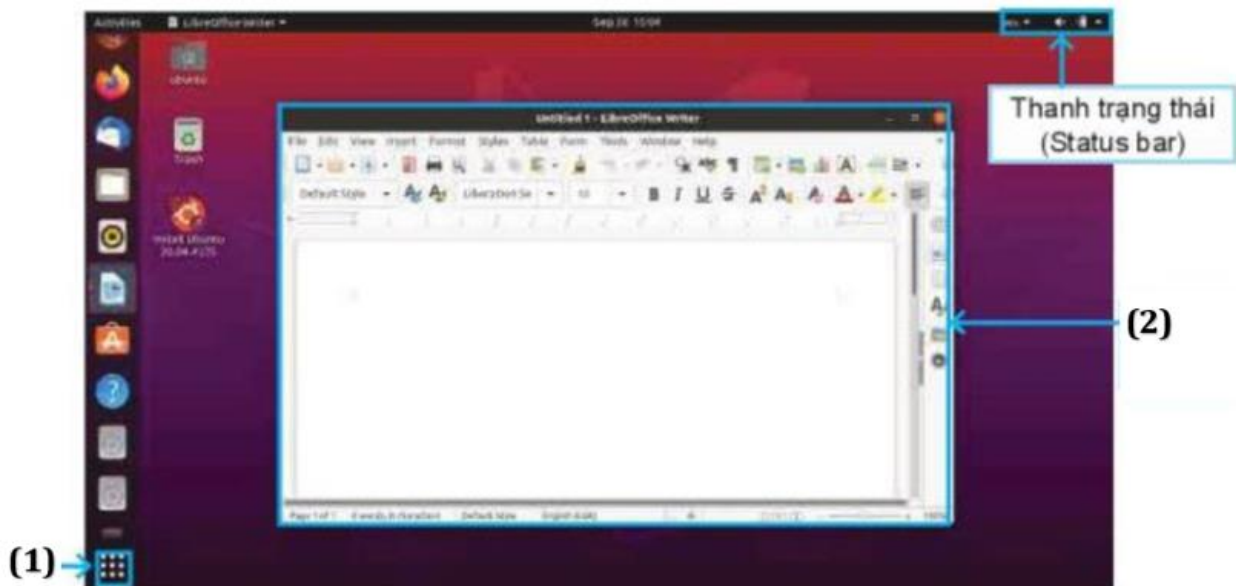
D. Hình trên là cửa sổ ứng dụng.

Câu 2. Quan sát hình bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



- A. (4) là cửa sổ ứng dụng, (1) là thanh tác vụ (Taskbar).
- B. (4) là cửa sổ ứng dụng, (3) là thanh tác vụ (Taskbar).
- C. (4) là cửa sổ ứng dụng, (2) là thanh tác vụ (Taskbar).
- D. (1) là cửa sổ ứng dụng, (2) là thanh tác vụ (Taskbar).

Câu 3. Quan sát màn hình nền của Ubuntu bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



- A. (1) là danh mục ứng dụng, (2) là cửa sổ ứng dụng.
- B. (1) là cửa sổ ứng dụng, (2) là danh mục ứng dụng.
- C. (1) và (2) là danh mục ứng dụng.
- D. (1) và (2) là cửa sổ ứng dụng.

Câu 4. Quan sát hình bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



- A. (1) là vùng lệnh, (2) là các thư mục thường dùng, (3) là các tệp và thư mục con trong thư mục đang làm việc.
- B. (1) là vùng lệnh, (2) là các tệp và thư mục con trong thư mục đang làm việc, (3) là các thư mục thường dùng.
- C. (1) là các thư mục thường dùng, (2) là vùng lệnh, (3) là các tệp và thư mục con trong thư mục đang làm việc.
- D. (1) là các thư mục thường dùng, (2) là các tệp và thư mục con trong thư mục đang làm việc, (3) là vùng lệnh.

Câu 5. Trong cửa sổ bên dưới, để đổi tên một thư mục ta thực hiện như sau:

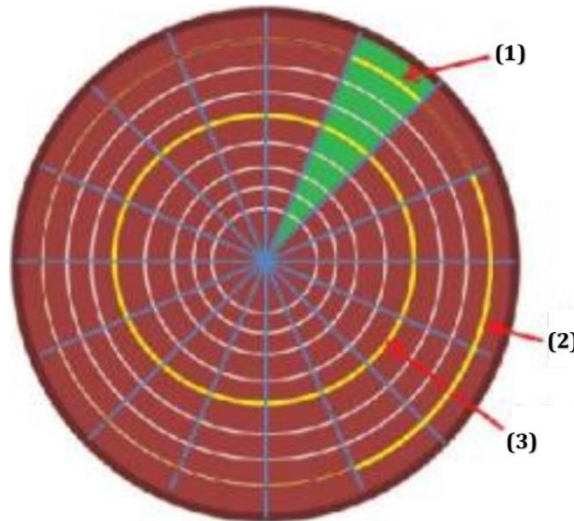


- A. Nháy chuột trái vào tên thư mục, chọn Rename.
- B. Nháy chuột phải vào tên thư mục, chọn Delete.
- C. Nháy chuột phải vào tên thư mục, chọn Rename.
- D. Nháy chuột phải vào tên thư mục, chọn Copy.

Câu 6. Phần mềm nào sau đây là phần mềm tiện ích?

- A. Unikey.
- B. Inkscape.
- C. Python.
- D. Word.

Câu 7. Quan sát hình bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



- A. (1) là cung (sector), (2) là đường ghi (track), (3) là liên cung (cluster).
- B. (1) là cung (sector), (2) là liên cung (cluster), (3) là đường ghi (track).
- C. (1) là liên cung (cluster), (2) là cung (sector), (3) là đường ghi (track).
- D. (1) là liên cung (cluster), (2) là đường ghi (track), (3) là cung (sector).

Câu 8. Các bước để sửa lỗi đĩa và hợp mảnh nào sau đây là đúng?

- A. Bước 1. Sử dụng File Explorer và tìm danh sách các ổ đĩa. Nháy nút phải chuột vào ổ đĩa muốn xử lý rồi chọn Properties; Bước 2. Chọn Check để kiểm tra và khắc phục lỗi đĩa; Chọn Optimize để tối ưu hoá, hợp mảnh; Bước 3. Trong cửa sổ Properties của đĩa cứng, chọn Tools.
- B. Bước 1. Trong cửa sổ Properties của đĩa cứng, chọn Tools; Bước 2. Sử dụng File Explorer và tìm danh sách các ổ đĩa. Nháy nút phải chuột vào ổ đĩa muốn xử lý rồi chọn Properties; Bước 3. Chọn Check để kiểm tra và khắc phục lỗi đĩa; Chọn Optimize để tối ưu hoá, hợp mảnh.
- C. Bước 1. Trong cửa sổ Properties của đĩa cứng, chọn Tools; Bước 2. Chọn Check để kiểm tra và khắc phục lỗi đĩa; Chọn Optimize để tối ưu hoá, hợp mảnh; Bước 3. Sử dụng File Explorer và tìm danh sách các ổ đĩa. Nháy nút phải chuột vào ổ đĩa muốn xử lý rồi chọn Properties.

D. Bước 1. Sử dụng File Explorer và tìm danh sách các ổ đĩa. Nháy nút phải chuột vào ổ đĩa muốn xử lý rồi chọn Properties; Bước 2. Trong cửa sổ Properties của đĩa cứng, chọn Tools; Bước 3. Chọn Check để kiểm tra và khắc phục lỗi đĩa; Chọn Optimize để tối ưu hoá, hợp mảnh.

Câu 9. Quan sát một số biểu tượng ứng dụng trên màn hình chính của điện thoại thông minh (hình bên dưới) và chọn câu trả lời đúng nhất.



- A. (1) xem lịch, (2) nghe nhạc, (3) chụp ảnh.
- B. (1) xem lịch, (2) chụp ảnh, (3) nghe nhạc.
- C. (1) chụp ảnh, (2) xem lịch, (3) nghe nhạc.
- D. (1) nghe nhạc, (2) chụp ảnh, (3) xem lịch.

Câu 10. Chọn câu trả lời đúng nhất. Hệ điều hành nào sau đây thường dùng cho điện thoại thông minh?

- A. Android và iOS.
- B. Android và Windows.
- C. Android và Ubuntu.
- D. Android và Linux.

Bài 3. PHẦN MỀM NGUỒN MỞ VÀ PHẦN MỀM CHẠY TRÊN INTERNET

Câu 1. Phân loại phần mềm theo cách chuyển giao sử dụng, gồm có bao nhiêu loại phần mềm?

- A. 2 loại
- B. 3 loại
- C. 4 loại
- D. 5 loại

Câu 2. Phần mềm nguồn mở là

A. phần mềm được cung cấp cả mã nguồn để người dùng có thể tự sửa đổi, cải tiến, phát triển, phân phối lại theo một quy định gọi là giấy phép.

- B. phần mềm để bán.
- C. phần mềm không chỉ miễn phí mà còn được tự do sử dụng mà không phải xin phép.
- D. phần mềm dùng để mở các phần mềm khác.

Câu 3. Có nhiều loại giấy phép phần mềm nguồn mở, trong đó giấy phép công cộng GNU GPL (GNU General Public License) được áp dụng rộng rãi nhất. Vậy giấy phép GNU GPL 3.0 được phát hành vào năm nào?

- A. Năm 2006
- B. Năm 2007
- C. Năm 2008
- D. Năm 2009

Câu 4. Phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở nào sau đây có cùng chức năng?

- A. Word và Writer.
- B. Word và Calc.
- C. Excel và Writer.
- D. Word và Excel.

Câu 5. Phần mềm thương mại có bao nhiêu loại?

- A. 2 loại
- B. 3 loại
- C. 4 loại
- D. 5 loại

Câu 6. Chọn câu trả lời đúng nhất. Phần mềm thương mại gồm các phần mềm nào sau đây?

- A. Word, Excel và Powerpoint.
- B. Writer, Calc và Impress.
- C. Word, Excel và Writer.
- D. Writer, Calc và Word.

Câu 7. Phân loại phần mềm theo cách chuyển giao sử dụng, gồm có các loại phần mềm nào sau đây?

- A. Phần mềm thương mại, phần mềm tự do, phần mềm Microsoft Word.
- B. Phần mềm Inkscape, phần mềm tự do, phần mềm nguồn mở.
- C. Phần mềm Inkscape, phần mềm photoshop, phần mềm corel.
- D. Phần mềm thương mại, phần mềm tự do, phần mềm nguồn mở.

Câu 8. Chọn câu trả lời đúng nhất. Phần mềm nguồn mở gồm các phần mềm nào sau đây?

- A. Word, Excel và Powerpoint.
- B. Word, Excel và Writer.
- C. Writer, Calc và Impress.
- D. Writer, Calc và Word.

Câu 9. Phần mềm chạy trên Internet là phần mềm

- A. cho phép sử dụng qua Internet mà không cần phải cài đặt vào máy.
- B. cài đặt vào máy tính trước khi sử dụng.
- C. Microsoft Word.
- D. Writer.

Câu 10. Phần mềm nào sau đây là phần mềm chạy trên Internet?

- A. Mirosoft Word.
- B. Google Docs.
- C. Writer.
- D. Inkscape.

Bài 4. BÊN TRONG MÁY TÍNH

Câu 1. Hãy quan sát và cho biết sơ đồ bên dưới là sơ đồ gì?



- A. Sơ đồ cấu tạo chức năng của máy tính điện tử.
- B. Sơ đồ máy tính điện tử.
- C. Sơ đồ các thiết bị của máy tính điện tử.
- D. Sơ đồ điều khiển của máy tính điện tử.

Câu 2. Em hãy cho biết thiết bị sau đây là thiết bị gì?



- A. Bộ xử lí trung tâm CPU.
- B. Bộ nhớ trong ROM.
- C. Bộ nhớ trong RAM.
- D. Bộ nhớ ngoài.

Câu 3. Bộ xử lí trung tâm (Central Processing Unit - CPU) được cấu tạo từ mấy bộ phận chính?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

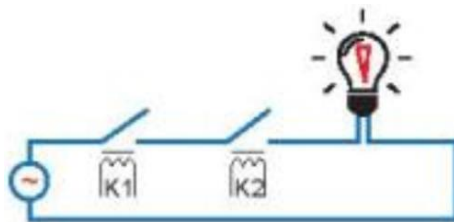
Câu 4. Tùy theo cách sử dụng, bộ nhớ trong (memory) chia thành hai loại là:

- A. ROM và RAM.
- B. ROM và thẻ nhớ.
- C. RAM và thẻ nhớ.
- D. Thẻ nhớ và CPU.

Câu 5. Thiết bị nào sau đây là bộ nhớ ngoài?

- A. ROM.
- B. Thẻ nhớ.
- C. RAM.
- D. CPU.

Câu 6. Quan sát hình 4.4 bên dưới và hãy cho biết khi nào thì bóng đèn sáng?



- A. Khi K1 và K2 cùng mở.
- B. Khi K1 đóng, K2 mở.

C. Khi K1 và K2 cùng đóng.

D. Khi K1 mở, K2 đóng.

Câu 7. Bộ xử lý trung tâm (**Central Processing Unit - CPU**) được cấu tạo từ các bộ phận chính nào sau đây?

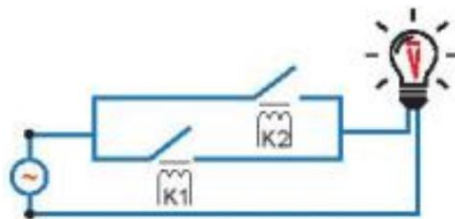
A. Bộ số học và logic; Thanh ghi.

B. Bộ điều khiển; Thanh ghi.

C. Thanh ghi; Bộ nhớ đệm.

D. Bộ số học và logic; Bộ điều khiển.

Câu 8. Quan sát hình 4.5 bên dưới và hãy cho biết khi nào thì bóng đèn tắt (tối)?



A. Khi K1 và K2 cùng mở.

B. Khi K1 và K2 cùng đóng.

C. Khi K1 mở, K2 đóng.

D. Khi K1 đóng, K2 mở.

Câu 9. Hệ nhị phân dùng bao nhiêu chữ số, đó là chữ số nào?

A. Hệ nhị phân dùng một chữ số, đó là chữ số 2.

B. Hệ nhị phân dùng hai chữ số, đó là chữ số 0, 1.

C. Hệ nhị phân dùng hai chữ số, đó là chữ số 0, 2.

D. Hệ nhị phân dùng hai chữ số, đó là chữ số 1, 2.

Câu 10. Phép toán $110 + 111$ cho kết quả nào sau đây?

A. 1101

B. 1111

C. 1110

D. 1011

Bài 5. KẾT NỐI MÁY TÍNH VỚI CÁC THIẾT BỊ SỐ

Câu 1. Chọn câu trả lời đúng nhất. Các thiết bị nào sau đây là thiết bị vào?

A. Bàn phím, chuột, màn hình.

B. Bàn phím, chuột, máy quét.

C. Bàn phím, chuột, máy in.

D. Màn hình, máy in, máy chiếu.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Bàn phím là thiết bị thông dụng nhất để nhập dữ liệu.
- B. Chuột là thiết bị vào rất phổ biến vì dễ điều khiển chính xác.
- C. Màn hình là thiết bị ra phổ biến nhất.
- D. Máy in là thiết bị vào thông dụng nhất.

Câu 3. Kích thước của màn hình được đo như thế nào và tính theo đơn vị nào là đúng?

- A. Kích thước màn hình được đo bằng độ dài đường chéo màn hình, tính theo inch.
- B. Kích thước màn hình được đo bằng độ dài chiều ngang của màn hình, tính theo inch.
- C. Kích thước màn hình được đo bằng độ dài chiều dọc của màn hình, tính theo inch.
- D. Kích thước màn hình được đo bằng độ dài đường chéo màn hình, tính theo cm.

Câu 4. Quan sát hình bên dưới và cho biết tên của các loại máy in?



- A. a) Máy in kim, b) Máy in laser, c) Máy in nhiệt, d) Máy in phun.
- B. a) Máy in laser, b) Máy in kim, c) Máy in phun, d) Máy in nhiệt.
- C. a) Máy in kim, b) Máy in laser, c) Máy in phun, d) Máy in nhiệt.
- D. a) Máy in kim, b) Máy in phun, c) Máy in laser, d) Máy in nhiệt.

Câu 5. Chọn câu trả lời đúng nhất. Các thiết bị nào sau đây là thiết bị ra?

- A. Màn hình, máy in, máy chiếu.
- B. Màn hình, máy in, bàn phím.
- C. Màn hình, máy in, chuột.
- D. Bàn phím, chuột, máy quét.

Câu 6. Quan sát hình bên dưới và cho biết tên của các cổng kết nối?



- A. A là cổng VGA, B là cổng USB, C là cổng HDMI.
- B. A là cổng HDMI, B là cổng VGA, C là cổng USB.
- C. A là cổng USB, B là cổng HDMI, C là cổng VGA.
- D. A là cổng VGA, B là cổng HDMI, C là cổng USB.

Câu 7. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau?

- A. Bàn phím là thiết bị thông dụng nhất để nhập dữ liệu.
- B. Máy in là thiết bị vào thông dụng nhất.
- C. Chuột là thiết bị ra rất phổ biến vì dễ điều khiển chính xác.
- D. Màn hình là thiết bị vào phổ biến nhất.

Câu 8. Quan sát hình bên dưới và cho biết đây là cổng gì?



- A. Cổng mạng.
- B. Cổng USB.
- C. Cổng HDMI.
- D. Cổng VGA.

Câu 9. Dùng phương thức kết nối chung nào để kết nối máy tính với thiết bị số?

- A. Dùng cổng USB để kết nối máy tính với các thiết bị số.
- B. Dùng cổng HDMI để kết nối máy tính với các thiết bị số.
- C. Không có một phương thức kết nối chung nào cho các thiết bị số với máy tính.

D. Dùng cổng VGA để kết nối máy tính với các thiết bị số.

Câu 10. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A. Máy ảnh số có thể hỗ trợ một số cách kết nối khác nhau với máy tính qua cáp USB, wifi hoặc bluetooth.

B. Máy ảnh số không thể kết nối với máy tính.

C. Máy ảnh số chỉ có thể kết nối với máy tính qua cáp USB.

D. Máy ảnh số chỉ có thể kết nối với máy tính qua bluetooth.

Bài 6-Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet

Câu 1. Lưu trữ trên Internet còn được gọi là:

A. lưu trữ đám mây.

B. lưu trữ cục bộ.

C. lưu trữ trên các thiết bị nhớ.

D. lưu trữ trên máy tính.

Câu 2. Khi người dùng được cấp một không gian nhớ trực tuyến dùng để lưu trữ các tệp cũng như thư mục của mình. Không gian nhớ trực tuyến đó còn có tên gọi khác là:

A. thẻ nhớ.

B. ổ đĩa trực tuyến.

C. ổ đĩa cục bộ.

D. bộ nhớ ngoài.

Câu 3. Chọn câu phát biểu đúng với các nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ trực tuyến sau đây:

A. Google với Google Drive, Microsoft với iCloud, Apple với One Drive.

B. Google với Google iCloud, Microsoft với One Drive, Apple với Google Drive.

C. Google với Google One Drive, Microsoft với Google Drive, Apple với iCloud.

D. Google với Google Drive, Microsoft với One Drive, Apple với iCloud.

Câu 4. Khi chia sẻ trực tuyến các tệp và thư mục, người chia sẻ được chọn một trong mấy chế độ để chia sẻ?

A. Được chọn một trong 2 chế độ.

B. Được chọn một trong 3 chế độ.

C. Được chọn một trong 4 chế độ.

D. Được chọn một trong 5 chế độ.

Câu 5. Hình bên dưới có ý nghĩa gì?



- A. Minh hoạ dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet.
- B. Minh hoạ dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên máy tính.
- C. Minh hoạ dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trong mạng cục bộ.
- D. Minh hoạ dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên bộ nhớ ngoài.

Câu 6. Sử dụng dịch vụ lưu trữ thư mục và tệp trực tuyến, người dùng sẽ được cung cấp:

- A. một thẻ nhớ.
- B. một bộ nhớ ngoài.
- C. một ổ đĩa trực tuyến.
- D. một USB.

Câu 7. Lưu trữ trực tuyến trên One Drive là của nhà cung cấp dịch vụ nào sau đây?

- A. Microsoft.
- B. Google.
- C. Apple.
- D. Dropbox.

Câu 8. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu dưới đây:

A. Khi chia sẻ trực tuyến các tệp và thư mục, người chia sẻ được chọn một trong ba chế độ chia sẻ là: Quyền chỉ xem; Quyền nhận xét, tức là được xem và nhận xét và Quyền chỉnh sửa.

B. Khi chia sẻ trực tuyến các tệp và thư mục, người chia sẻ được chọn đồng thời ba chế độ chia sẻ là: Quyền chỉ xem; Quyền nhận xét, tức là được xem và nhận xét và Quyền chỉnh sửa.

C. Khi chia sẻ trực tuyến các tệp và thư mục, người chia sẻ được chọn đồng thời hai chế độ chia sẻ là: Quyền chỉ xem và Quyền nhận xét, tức là được xem và nhận xét.

D. Khi chia sẻ trực tuyến các tệp và thư mục, người chia sẻ được chọn đồng thời hai chế độ chia sẻ là: Quyền chỉ xem và Quyền chỉnh sửa.

Câu 9. Dùng Google Drive để lưu trữ tệp tin trên ổ đĩa trực tuyến, các bước thực hiện nào

sau đây là đúng?

A.

-Bước 1. Mở dịch vụ Google Drive tại địa chỉ <http://drive.google.com>

-Bước 2. Đăng nhập bằng tài khoản Google của mình để truy cập ổ đĩa trực tuyến được cung cấp bởi Google.

-Bước 3. Tải tệp từ máy tính lên lưu trữ tại ổ đĩa trực tuyến.

B.

-Bước 1. Đăng nhập bằng tài khoản Google của mình để truy cập ổ đĩa trực tuyến được cung cấp bởi Google.

-Bước 2. Mở dịch vụ Google Drive tại địa chỉ <http://drive.google.com>

-Bước 3. Tải tệp từ máy tính lên lưu trữ tại ổ đĩa trực tuyến.

C.

-Bước 1. Đăng nhập bằng tài khoản Google của mình để truy cập ổ đĩa trực tuyến được cung cấp bởi Google.

-Bước 2. Tải tệp từ máy tính lên lưu trữ tại ổ đĩa trực tuyến.

-Bước 3. Mở dịch vụ Google Drive tại địa chỉ <http://drive.google.com>

D.

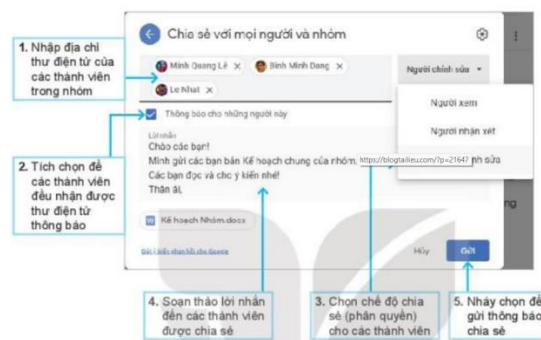
-Bước 1. Tải tệp từ máy tính lên lưu trữ tại ổ đĩa trực tuyến.

-Bước 2. Đăng nhập bằng tài khoản Google của mình để truy cập ổ đĩa trực tuyến được cung cấp bởi Google.

-Bước 3. Mở dịch vụ Google Drive tại địa chỉ <http://drive.google.com>

Câu 10. Dùng Google Drive để chia sẻ tệp tin cho các thành viên trong nhóm gồm các bước thực hiện sau đây:

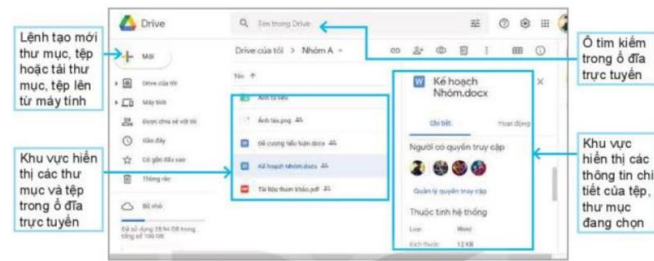
-Bước 1. Thực hiện các bước như minh họa trong Hình 6.5 để chia sẻ tệp tin.



Hình 6.5. Hộp thoại chia sẻ tệp

-Bước 2. Nháy nút phải chuột vào tệp tin cần chia sẻ trên ổ đĩa trực tuyến, bảng lệnh hiện ra, chọn Chia sẻ.

-Bước 3. Kiểm tra thông tin chia sẻ của tệp tại khu vực hiển thị các thông tin chi tiết của tệp, thư mục đang được chọn (hình 6.2).



Hình 6.2. Giao diện làm việc của một ổ đĩa trực tuyến thông dụng

Sắp xếp lại các bước để được cách thực hiện đúng.

- A. Bước 2, Bước 3, Bước 1.
- B. Bước 1, Bước 2, Bước 3.
- C. Bước 2, Bước 1, Bước 3.
- D. Bước 3, Bước 2, Bước 1.

Bài 7-Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet

Câu 1. Khi máy tính đang mở. Để tìm kiếm thông tin trên Internet, điều đầu tiên cần làm là khởi động

- A. Microsoft Word.
- B. trình duyệt web.
- C. Google.
- D. Inkscape.

Câu 2. Chọn phát biểu đúng nhất.

- A. Google Chrome và Coccoc đều là trình duyệt web.
- B. Google Chrome và Coccoc đều không phải trình duyệt web.
- C. Google Chrome là trình duyệt web, Coccoc không phải trình duyệt web.
- D. Google Chrome không phải trình duyệt web, Coccoc là trình duyệt web.

Câu 3. Phần mềm nào sau đây không phải là trình duyệt web?

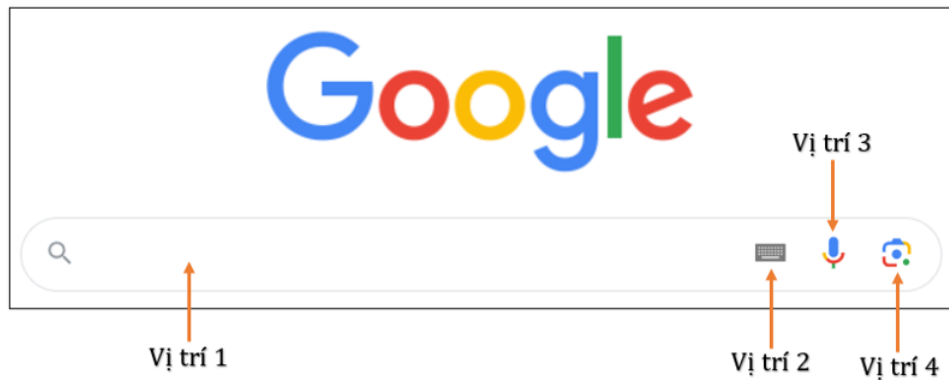
- A. Coccoc.
- B. Google Chrome.
- C. Windows.
- D. Firefox.

Câu 4. Nhập từ khoá tìm kiếm vào vị trí nào trong hình dưới đây?



- A. Vị trí 1.
- B. Vị trí 2.
- C. Vị trí 3.
- D. Vị trí 4.

Câu 5. Để tìm kiếm bằng hình ảnh nháy chuột vào vị trí nào trong hình dưới đây?



- A. Vị trí 1.
- B. Vị trí 2.
- C. Vị trí 3.
- D. Vị trí 4.

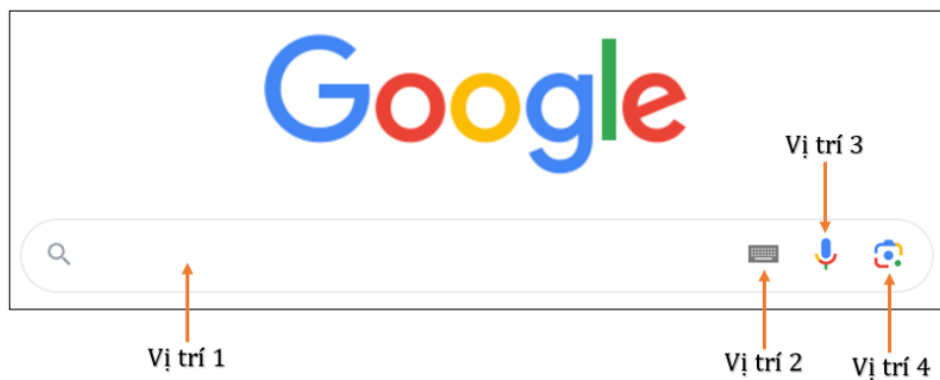
Câu 6. Tìm kiếm thông tin trên Internet gồm có mấy bước?

- A. 2 bước.
- B. 3 bước.
- C. 4 bước.
- D. 5 bước.

Câu 7. Thực hiện tìm kiếm bằng tiếng nói gồm có mấy bước?

- A. 2 bước.
- B. 3 bước.
- C. 4 bước.
- D. 5 bước.

Câu 8. Để tìm kiếm bằng giọng nói (phải có micro) nháy chuột vào vị trí nào trong hình dưới đây?



- A. Vị trí 1.
- B. Vị trí 2.
- C. Vị trí 3.
- D. Vị trí 4.

Câu 9. Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin gồm có mấy bước?

- A. 2 bước.
- B. 3 bước.
- C. 4 bước.
- D. 5 bước.

Câu 10. Để thu hẹp phạm vi tìm kiếm và cho kết quả chính xác hơn ta đặt cụm từ tìm kiếm trong cặp dấu

- A. ngoặc tròn.
- B. ngoặc vuông.
- C. chấm cảm.
- D. nháy kép.

Bài 8-Thực hành nâng cao sử dụng thư điện tử và mạng xã hội

Câu 1. Quan sát hình bên dưới và cho biết biểu tượng nào dùng để nhận biết thư quan trọng trong Gmail?

(1)	(2)	(3)	
☐	☆	☾	Trần, me 2
☐	☆	☾	Tuấn, Phạm, me 5
☐	☆	☾	Phạm, me 3
☐	☆	☾	me, Trần 3
☐	☆	☾	me, Thuy, me 4

- A. Biểu tượng (1).
- B. Biểu tượng (2).
- C. Biểu tượng (3).
- D. Biểu tượng (1) và (2).

Câu 2. Quan sát hình bên dưới và cho biết thư nào là thư có gắn dấu sao?

☐	☆	☾	Đặng Vũ Kiệt	(1)	LỊCH TẬP HUẤN SÁCH GIÁO KHOA 11 ĐỢT 2
☐	☆	☾	Đặng Vũ Kiệt	(2)	THỜI KHOÁ BIỂU ÔN TẬP THI LẠI (ÁP DỤNG TỪ
☐	★	☾	Đặng Vũ Kiệt	(3)	KH TỔ CHỨC ĐIỀU CHỈNH TỔ HỢP MÔN - KẾ H
☐	☆	☾	-AP THPT Quốc Thái	(4)	KẾT LUẬN THANH TRA THỰC HIỆN DÂN CHỦ VÀ

- A. Thư số (1).
- B. Thư số (2).
- C. Thư số (3).
- D. Thư số (4).

Câu 3. Quan sát hình bên dưới và cho biết để chọn thư ta nháy chuột vào vị trí nào?

(1)	(2)	(3)	
☐	☆	☾	Trần, me 2
☐	☆	☾	Tuấn, Phạm, me 5
☐	☆	☾	Phạm, me 3
☐	☆	☾	me, Trần 3
☐	☆	☾	me, Thuy, me 4

- A. Vị trí (1).
- B. Vị trí (2).
- C. Vị trí (3).

D. Vị trí (1) và (3).

Câu 4. Để sắp xếp, phân loại thư trong Gmail ta cần sử dụng:

- A. Thùng rác.
- B. Thư đã gửi.
- C. Thư quan trọng.
- D. Nhấn.

Câu 5. Để mở danh sách Nhấn ta cần nhấp chuột vào nút nào sau đây?

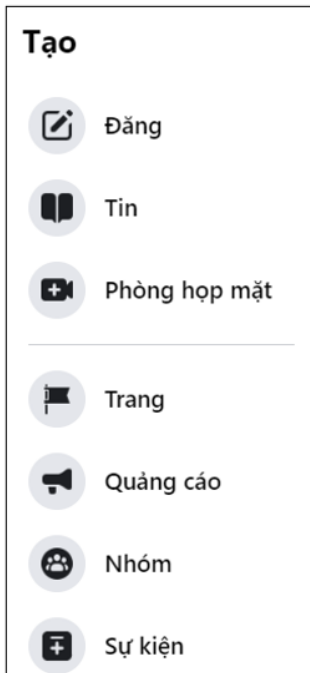


- A. Nút (4).
- B. Nút (5).
- C. Nút (8).
- D. Nút (9).

Câu 6. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

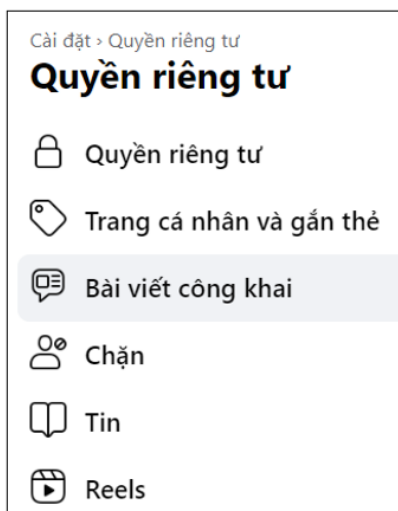
- A. Fanpage là trang web trên Zalo giúp các tổ chức, doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm.
- B. Fanpage là trang web trên Facebook giúp các tổ chức, doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm.
- C. Fanpage là trang web trên Google giúp các tổ chức, doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm.
- D. Fanpage là trang web do người dùng soạn thảo trên Word giúp các tổ chức, doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm.

Câu 7. Để tạo trang Fanpage nhấp chuột vào mục nào trong hình dưới đây?



- A. Nháy chuột vào mục Đăng.
- B. Nháy chuột vào mục Nhóm.
- C. Nháy chuột vào mục Trang.
- D. Nháy chuột vào mục Tin.

Câu 8. Để thiết lập những người có thể xem các bài viết của mình trong tương lai, ta chọn mục nào trong hình dưới đây?



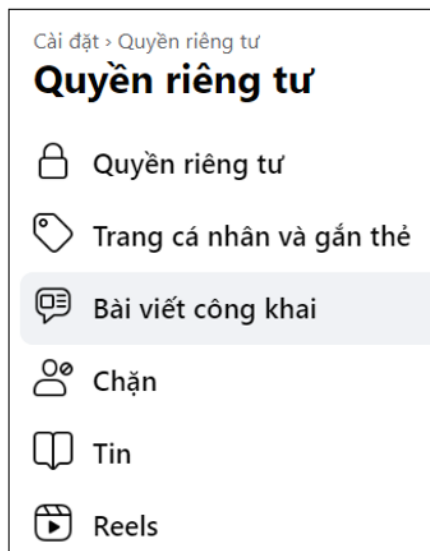
- A. Trang cá nhân và gắn thẻ.
- B. Bài viết công khai.
- C. Chặn.
- D. Quyền riêng tư.

Câu 9. Quan sát hình bên dưới và cho biết thư nào là thư chưa đọc?

☐	☆	🔍	Đăng Vũ Kiệt	(1)	LỊCH TẬP HUẤN SÁCH GIÁO KHOA 11 ĐỢT 2
☐	☆	🔍	Đăng Vũ Kiệt	(2)	THỜI KHOÁ BIỂU ÔN TẬP THI LẠI (ÁP DỤNG TỪ
☐	☆	🔍	Đăng Vũ Kiệt	(3)	KH TỔ CHỨC ĐIỀU CHỈNH TỔ HỢP MÔN - KẾ HO
☐	☆	🔍	-AP THPT Quốc Thái	(4)	KẾT LUẬN THANH TRA THỰC HIỆN DÂN CHỦ VÀ

- A. Thư số (1)
- B. Thư số (2)
- C. Thư số (3)
- D. Thư số (4)

Câu 10. Để chọn đối tượng có thể bình luận về bài viết công khai trên Facebook, ta chọn mục nào trong hình dưới đây?



- A. Bài viết công khai.
- B. Quyền riêng tư.
- C. Chặn.
- D. Trang cá nhân và gắn thẻ.

Bài 9-Giao tiếp an toàn trên Internet

Câu 1. Có bao nhiêu nguyên tắc để nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không gian số?

- A. 2 nguyên tắc.
- B. 3 nguyên tắc.
- C. 4 nguyên tắc.
- D. 5 nguyên tắc.

Câu 2. Có 4 quy tắc ứng xử trong môi trường số, quy tắc đầu tiên là:

- A. Quy tắc lành mạnh.

- B. Quy tắc an toàn, bảo mật thông tin.
- C. Quy tắc tôn trọng, tuân thủ pháp luật.
- D. Quy tắc trách nhiệm.

Câu 3. Kẻ lừa đảo cố gắng thuyết phục thiết bị của nạn nhân đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục sự cố đó, mà trên thực tế, nó không hề tồn tại. Đây là tình huống lừa đảo nào?

- A. Lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật.
- B. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin tốt.
- C. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin xấu.
- D. Lừa đảo qua website giả mạo các trang thương mại điện tử phổ biến.

Câu 4. Kẻ lừa đảo có thể bất ngờ thông báo nạn nhân có cơ hội trúng thưởng hay nhận phiếu mua hàng trị giá cao, nhưng phải thanh toán một khoản phí để được nhận thưởng. Đây là tình huống lừa đảo nào?

- A. Lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật.
- B. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin xấu.
- C. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin tốt.
- D. Lừa đảo qua website giả mạo các trang thương mại điện tử phổ biến.

Câu 5. Trong nhiều vụ lừa đảo, bạn sẽ nhận được cuộc gọi hoặc thư điện tử tự xưng là nhân viên làm việc trong cơ quan chức năng, cơ quan nhà nước và yêu cầu thanh toán ngay một khoản tiền nào đó. Đây là tình huống lừa đảo nào?

- A. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin tốt.
- B. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin xấu.
- C. Lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật.
- D. Lừa đảo qua website giả mạo các trang thương mại điện tử phổ biến.

Câu 6. Có ba nguyên tắc để nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không gian số đó là:

- A. Hãy chậm lại! Kiểm tra ngay! Gửi đi!
- B. Nhanh lên! Kiểm tra ngay! Dừng lại, không gửi!
- C. Nhanh lên! Không cần kiểm tra! Gửi đi!
- D. Hãy chậm lại! Kiểm tra ngay! Dừng lại, không gửi!

Câu 7. Lợi dụng nhu cầu mua sắm Online tăng cao, một số đối tượng đã tạo các trang web giả mạo và gửi đường link truy cập các trang web lừa đảo này qua tin nhắn SMS, thư điện tử,... hoặc gọi điện thoại hướng dẫn khách hàng thực hiện giao dịch mua những món hàng “giá rẻ bất ngờ”, thậm chí “miễn phí”, so với các hàng hoá cùng chủng loại từ các

siêu thị uy tín nhằm chiếm đoạt tiền của khách hàng trong thẻ cũng như tài khoản. Đây là tình huống lừa đảo nào?

- A. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin xấu.
- B. Lừa đảo dưới dạng thông báo tin tốt.
- C. Lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật.
- D. Lừa đảo qua website giả mạo các trang thương mại điện tử phổ biến.

Câu 8. Quy tắc ứng xử trong môi trường số có bao nhiêu quy tắc?

- A. 2 quy tắc.
- B. 3 quy tắc.
- C. 4 quy tắc.
- D. 5 quy tắc.

Câu 9. Có 5 điều nên làm khi tham gia mạng xã hội, điều đầu tiên là:

- A. Tuyên truyền và tham gia hướng dẫn sử dụng mạng xã hội an toàn, có văn hoá.
- B. Chia sẻ thông tin chính thống, thông tin tích cực.
- C. Tìm hiểu và tuân thủ các điều khoản quy định khi tham gia mạng xã hội.
- D. Quản lí, bảo mật thông tin cá nhân, thông báo kịp thời cho cơ quan chức năng và người thân khi bị mất quyền kiểm soát.

Câu 10. Có 5 điều không nên làm khi tham gia mạng xã hội, điều thứ 5 là:

- A. Đăng tải nội dung vi phạm pháp luật.
- B. Quảng cáo, kinh doanh dịch vụ trái phép.
- C. Sử dụng từ ngữ gây thù hận, kích động bạo lực.
- D. Sử dụng ngôn ngữ phản cảm, vô văn hoá.